

NỘI DUNG SỬA ĐỔI

a. Điều chỉnh giá trị bảo đảm dự thầu tại mục E-CDNT 18.2 Chương II. Bảng dữ liệu đấu thầu của E-HSMT.

- Giá trị bảo đảm dự thầu: **91.000.000 đồng** (Bằng chữ: Chín mươi một triệu đồng)

b. Điều chỉnh khoản 2.1. Tiêu chuẩn đánh giá về năng lực và kinh nghiệm, Mục 2. Tiêu chuẩn đánh giá về năng lực và kinh nghiệm thuộc chương III. Tiêu chuẩn đánh giá E-HSDT của E-HSMT.

BẢNG TIÊU CHUẨN ĐÁNH GIÁ VỀ NĂNG LỰC VÀ KINH NGHIỆM

Các tiêu chí năng lực và kinh nghiệm			Các yêu cầu cần tuân thủ			Tài liệu cần nộp
TT	Mô tả	Yêu cầu	Nhà thầu độc lập	Nhà thầu liên danh		
				Tổng các thành viên liên danh	Từng thành viên liên danh	
1	Lịch sử không hoàn thành hợp đồng do lỗi của nhà thầu	Từ ngày 01 tháng 01 năm 2023 ⁽¹⁾ đến thời điểm đóng thầu, nhà thầu không có từ 02 hợp đồng trở lên (xây lắp, EPC, EC, PC, chìa khóa trao tay) không hoàn thành do lỗi của nhà thầu ⁽²⁾ .	Phải thỏa mãn yêu cầu này	Không áp dụng	Phải thỏa mãn yêu cầu này	Mẫu số 07
2	Thực hiện nghĩa vụ kê khai thuế và nộp thuế	Đã thực hiện nghĩa vụ kê khai thuế và nộp thuế ⁽³⁾ của năm tài chính gần nhất so với thời điểm đóng thầu.	Phải thỏa mãn yêu cầu này	Không áp dụng	Phải thỏa mãn yêu cầu này	Cam kết trong đơn dự thầu
3	Năng lực tài chính					
3.1	Kết quả hoạt động tài chính ⁽⁴⁾	Giá trị tài sản ròng của nhà thầu trong năm tài chính gần nhất so với thời điểm đóng thầu phải dương. (Giá trị tài sản ròng = Tổng tài sản - Tổng nợ)	Phải thỏa mãn yêu cầu này	Không áp dụng	Phải thỏa mãn yêu cầu này	Mẫu số 08A
3.2	Doanh thu bình quân hằng năm (không bao gồm thuế VAT)	Doanh thu bình quân hằng năm (không bao gồm thuế VAT) của 3 ⁽⁵⁾ năm tài chính gần nhất so với thời điểm đóng thầu của nhà thầu có giá trị tối thiểu là 5.663.000.000 ⁽⁶⁾ VND.	Phải thỏa mãn yêu cầu này	Phải thỏa mãn yêu cầu này	Không áp dụng	Mẫu số 08A
3.3	Yêu cầu về nguồn lực tài chính cho gói thầu	Nhà thầu phải chứng minh có khả năng tiếp cận hoặc có sẵn các tài sản có khả năng thanh khoản cao ⁽⁷⁾ , hạn mức tín dụng khả dụng (hạn mức tín dụng còn được sử dụng) hoặc các nguồn tài chính khác (không bao gồm các khoản tạm ứng thanh toán theo hợp đồng) để đáp ứng yêu cầu về nguồn lực tài chính thực hiện gói thầu với giá trị là 1.019.302.000 ⁽⁸⁾ VND.	Phải thỏa mãn yêu cầu này	Phải thỏa mãn yêu cầu này	Không áp dụng	Mẫu số 08B, 08C
		Đối với trường hợp nhà thầu sử dụng cam kết cung cấp tín dụng của tổ chức tín dụng trong nước				

4	Kinh nghiệm thực hiện hợp đồng xây lắp tương tự⁽⁹⁾	1. Trường hợp gói thầu chỉ bao gồm 01 công trình độc lập (ví dụ công trình A): Từ ngày 01 tháng 01 năm 2023⁽¹⁰⁾ đến thời điểm đóng thầu, nhà thầu đã hoàn thành toàn bộ hoặc hoàn thành phần lớn⁽¹¹⁾ tối thiểu 02 công trình có: loại kết cấu: Công trình giao thông (có tính chất tương tự như gói thầu đang xét), cấp: IV⁽¹²⁾ trong đó ít nhất một công trình có giá trị là 3.058.000.000 VND (V)⁽¹³⁾ và tổng giá trị tất cả các công trình ≥ 6.116.000.000 VND (X), với tư cách là nhà thầu chính (độc lập hoặc thành viên liên danh), nhà thầu quản lý⁽¹⁴⁾ hoặc nhà thầu phụ trong đó X = 2 x V. Trường hợp nhà thầu đã hoàn thành toàn bộ hoặc phần lớn⁽¹¹⁾ 01 công trình đáp ứng yêu cầu về loại kết cấu, cấp công trình và có giá trị ≥ X thì được coi là đáp ứng. Ngoài ra, căn cứ tính chất của gói thầu, có thể quy định điều kiện tương tự về hiện trường nhưng phải bảo đảm không làm hạn chế sự tham dự thầu của nhà thầu.	Phải thỏa mãn yêu cầu này	Không áp dụng	Phải thỏa mãn yêu cầu (tương đương với phần công việc đảm nhận)	Mẫu số 05
---	---	---	---------------------------	---------------	---	-----------

c. Điều chỉnh Bảng kê hạng mục công việc [mẫu số 01A (Webform trên Hệ thống)] thuộc chương IV. Biểu mẫu mời thầu và dự thầu.

Mẫu số 01A (Webform trên Hệ thống)

BẢNG KÊ HẠNG MỤC CÔNG VIỆC⁽¹⁾

(Áp dụng cho loại hợp đồng trọn gói)

Stt	Mô tả công việc ⁽²⁾	Khối lượng tham khảo ⁽³⁾	Đơn vị tính
1	NỀN - MẶT ĐƯỜNG		
1.1	Đào nền đường bằng máy đào 0,8m ³ , đất cấp II	42,864	100m ³
1.2	Đánh cấp taluy	25,294	100m ³
1.3	Đào xúc đất hữu cơ, đất cấp I	3,941	100m
1.4	Đắp đất nền đường lu 9 tấn, độ chặt K=0,95	61,811	100m ³
1.5	Thi công móng cấp phối đá dăm lớp dưới	13,386	100m ³
1.6	Thi công móng cấp phối đá dăm lớp trên	13,386	100m ³
1.7	Tưới nhựa thấm bảm, lượng nhựa 1kg/m ²	89,241	100m ²
1.8	Láng mặt đường 3 lớp, tiêu chuẩn nhựa 4,5 kg/m ²	89,241	100m ²
2	AN TOÀN GIAO THÔNG		
2.1	Đào móng cọc tiêu, biển báo	7,699	m ³
2.2	BT móng cọc tiêu, b.báo đá 1x2, vữa BT mác 150	7,018	m ³
2.3	Ván khuôn cọc tiêu	0,307	100m ²
2.4	Cốt thép cọc tiêu $P \leq 10\text{mm}$	0,256	tấn
2.5	Bê tông cọc tiêu đá 1x2, vữa bê tông mác 200	2,006	m ³
2.6	Lắp đặt cọc tiêu	87,000	cấu kiện
2.7	Sơn cọc tiêu	38,498	m ²
2.8	Lắp đặt trụ đỡ biển báo	15,000	cái
2.9	Trụ đỡ biển báo dài 3,2m	14,000	cái
2.10	Trụ đỡ biển báo dài 4,1m	1,000	cái
2.11	Biển báo tròn	2,000	cái
2.12	Biển báo tam giác	6,000	cái
2.13	Biển báo vuông	8,000	cái
3	CHI PHÍ DỰ PHÒNG		
3.1	Chi phí dự phòng (Nhà thầu phải chào đúng giá trị dự phòng ghi trong kế hoạch LCNT là 290.000.000 đồng, không được giảm giá phần chi phí này. Trường hợp nhà thầu không chào đúng giá trị trên hoặc không chào thì đơn vị tư vấn sẽ hiệu chỉnh về đúng giá trị chi phí dự phòng để đánh giá). Phần CPDP này sẽ do CĐT quản lý và	1,000	khoản

Stt	Mô tả công việc ⁽²⁾	Khối lượng tham khảo ⁽³⁾	Đơn vị tính
	chỉ được thanh toán trong trường hợp có công việc phát sinh theo đúng quy định		

Ghi chú:

(1), (3) Bảng kê hạng mục công việc và khối lượng chỉ có giá trị tham khảo, nhà thầu có trách nhiệm chuẩn xác hạng mục công việc phù hợp với thiết kế và yêu cầu kỹ thuật tại Chương V. Sau khi chuẩn xác hạng mục công việc, khối lượng theo thiết kế, Nhà thầu chào giá cho từng hạng mục theo Mẫu số 11A Chương này.

Trường hợp thiết kế 3 bước và chủ đầu tư đã có thiết kế kỹ thuật làm cơ sở lập hồ sơ mời thầu cho gói thầu xây lắp này (chủ đầu tư chưa tổ chức lập thiết kế bản vẽ thi công), phạm vi công việc của gói thầu xây lắp này có thể bao gồm hạng mục công việc thiết kế bản vẽ thi công. Trong trường hợp này, chủ đầu tư cần liệt kê hạng mục công việc thiết kế bản vẽ thi công trong Bảng kê hạng mục công việc.

Trường hợp nhà thầu phải thực hiện thiết kế bản vẽ thi công để làm cơ sở thực hiện công việc xây lắp theo quy định của pháp luật chuyên ngành (nếu có) nhưng trong Bảng kê hạng mục công việc không bao gồm nội dung công việc Thiết kế bản vẽ thi công thì nhà thầu được phân bổ giá của hạng mục công việc này vào các hạng mục công việc khác của gói thầu. Trong trường hợp này, nhà thầu phải thực hiện Thiết kế bản vẽ thi công và sẽ không được chủ đầu tư thanh toán riêng.

(2) Dẫn chiếu đến nội dung tương ứng quy định tại Chương V.